

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA
PHÒNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC - THƯỜNG XUYỀN
-----o0o-----

ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ

TỔNG HỢP TƯ LIỆU KHOA HỌC VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH
KHÁNH HÒA PHỤC VỤ BIÊN SOẠN TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Mã số đề tài:

CHUYÊN ĐỀ (1)

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN TỪNG ĐỊA PHƯƠNG
CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Đặng Ngọc Lệ Thy

Chủ trì thực hiện chuyên đề: ThS. Nguyễn Thị Hàn Thy

Cơ quan/ Đơn vị: Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Khánh Hòa

Phối hợp thực hiện: ThS. Đặng Ngọc Lệ Thy

Nha Trang, tháng 9 năm 2020

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	3
1.1. Phương pháp kế thừa:	3
1.2. Phương pháp chuyên gia:	3
1.3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu	3
II. NỘI DUNG	4
2.1. Một số khái niệm cơ bản	4
2.1.1. Khái niệm tự nhiên	4
2.1.2. Khái niệm môi trường	5
2.1.3. Khái niệm địa hình	5
2.1.4. Khái niệm khí hậu	5
2.2. Điều kiện tự nhiên tại các địa phương tỉnh khánh hòa.....	5
2.2.1. Thành phố Nha Trang.....	6
2.2.3. Huyện Diên Khánh.....	11
2.2.4. Huyện Cam Lâm	12
2.2.5. Huyện Vạn Ninh.....	14
2.2.6. Huyện Khánh Vĩnh.....	15
2.2.7. Huyện Khánh Sơn	17
2.2.8. Thành phố Cam Ranh.....	17
2.2.9. Huyện đảo Trường Sa	19
KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ	23
Kết luận:	23
Kiến nghị:	23
TÀI LIỆU THAM KHẢO	25
HÌNH ẢNH.....	26

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Bản đồ hành chính thành phố Nha Trang	26
Hình 2. Quảng trường 2/4	26
Hình 3. Bản đồ hành chính thị xã Ninh Hòa	27
Hình 4. Bản đồ hành chính huyện Diên Khánh	27
Hình 5. Bản đồ hành chính huyện Cam Lâm	28
Hình 6. Bản đồ hành chính huyện Vạn Ninh	28
Hình 7. Bờ biển huyện Vạn Ninh	29
Hình 8. Bản đồ hành chính huyện Khánh Vĩnh	29
Hình 9. Bản đồ hành chính huyện Khánh Sơn	30
Hình 10. Bản đồ hành chính thành phố Cam Ranh	30
Hình 11. Vị trí huyện đảo Trường Sa trên bản đồ hành chính tỉnh Khánh Hòa	31
Hình 12. Toàn cảnh đảo Sinh Tồn nhìn từ ngọn hải đăng	31
Hình 13. Thị trấn Trường Sa	32
Hình 14. Xã đảo Song Tử Tây nhìn ra biển trùng khơi	32

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam được ghi nhận là một trong những nước có đa dạng sinh học cao của thế giới với nhiều kiểu hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật, nguồn gen phong phú và đặc hữu. Đa dạng sinh học ở Việt Nam mang lại những lợi ích trực tiếp cho con người và đóng góp to lớn cho nền kinh tế, đặc biệt là trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; là cơ sở đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; duy trì nguồn gen tạo giống vật nuôi, cây trồng; cung cấp vật liệu cho xây dựng và là các nguồn dược liệu, thực phẩm... Các hệ sinh thái tự nhiên còn có vai trò quan trọng trong điều tiết khí hậu và bảo vệ môi trường. Ngoài ra đa dạng sinh học còn là nguồn cảm hứng văn hoá nghệ thuật và gắn liền với đời sống tinh thần của con người Việt Nam từ hàng ngàn năm nay.

Khánh Hòa là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa, tại đây đã từng tồn tại một nền văn hóa Xóm Cồn, có niên đại lâu trước cả văn minh Sa Huỳnh. Những di tích văn hóa - lịch sử, những danh lam thắng cảnh nổi tiếng... góp phần vẽ nên bức tranh văn hóa vật thể hoành tráng trên vùng đất Khánh Hòa xinh đẹp, hùng vĩ, thơ mộng và giàu tiềm năng này.

Là một tỉnh ven biển Nam Trung Bộ Việt Nam, Khánh Hòa có bờ biển kéo dài 385km với gần 200 đảo lớn, nhỏ ven bờ và trên 100 đảo, bãi đá ngầm thuộc quần đảo Trường Sa. Miền bờ biển bị đứt gãy tạo ra vùng lý tưởng nổi tiếng cho du lịch vì có nhiều bãi tắm đẹp, cát trắng, nước biển trong xanh, không có các loài cá dữ và dòng nước xoáy ngầm. Khánh Hòa có khí hậu nhiệt đới, gió mùa chia ra làm hai mùa mưa - nắng rõ rệt. Mưa chỉ kéo dài trong hai tháng 10 và 11 - còn lại 10 tháng trong năm chan hòa ánh nắng, làm cho cảnh quan thiên nhiên vốn đã rất đẹp lại thêm phần hấp dẫn.

Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, lịch sử văn hóa đã đem đến cho tỉnh Khánh Hòa một tiềm năng lớn để phát triển du lịch, dịch vụ. Nha Trang - Khánh Hòa hiện được xác định là một trong 10 trung tâm du lịch - dịch vụ lớn của cả nước. Tháng 5-2003, vịnh Nha Trang được công nhận là thành viên chính thức của Câu lạc bộ các vịnh đẹp nhất thế giới.

Tỉnh Khánh Hòa có vị trí đặc biệt hướng ra Biển Đông với điều kiện tự

nhiên thuận lợi cho tính đa dạng sinh học cao. Phân tích tài liệu đã và chưa công bố cho thấy vùng biển này hết sức đa dạng về hệ sinh thái và thành phần loài thủy sinh vật. Đây là nguồn tài nguyên quan trọng cho phát triển các lĩnh vực kinh tế biển khác nhau, gồm: khai thác thủy sản, nuôi trồng bằng ao đầm, nuôi lồng, sản xuất giống nhân tạo và thu thập nguồn giống tự nhiên phục vụ nuôi thủy sản, và du lịch biển. Tuy nhiên, phát triển kinh tế ở địa phương này đang làm nảy sinh một số vấn đề môi trường như khai thác quá mức, mất mát và suy thoái hệ sinh thái, ô nhiễm, suy thoái cảnh quan trên cạn và dưới nước. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bảo tồn đa dạng sinh học từng địa phương nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung. Chính vì thế, việc tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của từng địa phương nhằm hiểu được sự đặc trưng vùng miền chính là yếu tố, cơ sở vô cùng quan trọng, giúp cho việc bảo tồn đa dạng sinh học được hiệu quả hơn

Chuyên đề **“Điều kiện tự nhiên của từng địa phương tỉnh Khánh Hòa”** được thực hiện trên cơ sở tổng hợp những yếu tố về điều kiện tự nhiên của các địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa nhằm phục vụ biên soạn tài liệu giáo dục địa phương trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh nhà.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Phương pháp kế thừa

- Thu thập các nguồn tư liệu và những công trình nghiên cứu về đa dạng sinh học rừng của tỉnh Khánh Hòa.

- Cụ thể gồm:

+ Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Tài Nguyên Môi Trường

+ Quyết định 1719/QĐ-BGDĐT ngày 29/6/2020 “Đề án khung Bảo tồn nguồn gen cây trồng, vi sinh vật” về việc Phê duyệt Đề án khung “Bảo tồn nguồn gen cây trồng, vi sinh vật, vật nuôi phục vụ đào tạo, nghiên cứu và trao đổi thông tin về nguồn gen giai đoạn 2021-2025” của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Bộ sách “Đa dạng sinh học rừng tỉnh Khánh Hòa” quyển 1 & 2 (Luu Hồng Trường và Cộng sự, 2018) – Nhà xuất bản Khoa học & Công nghệ.

- Dựa trên những thông tin và tư liệu sẵn có để xây dựng và phát triển thành cơ sở dữ liệu cần thiết phục vụ cho đề tài.

+ Trang web <https://vi.wikipedia.org/wiki/Khanhhoa>

1.2. Phương pháp chuyên gia

Trao đổi và tiếp thu các ý kiến tư vấn của những chuyên gia có năng lực chuyên môn về đa dạng sinh học đã từng nghiên cứu về đa dạng sinh học ở Khánh Hòa

1.3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

1.3.1. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu đến các tỉnh Khánh Sơn – Khánh Vĩnh - Cam Lâm – Cam ranh

1.3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung tổng hợp các nội dung về điều kiện tự nhiên của các địa phương của tỉnh Khánh Hòa

II. NỘI DUNG

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Khái niệm tự nhiên

* Tự nhiên theo nghĩa rộng:

Là toàn bộ thế giới vật chất tồn tại khách quan. Với nghĩa này thì con người, xã hội loài người là một bộ phận, hơn nữa là một bộ phận đặc thù của thế giới tự nhiên.

Xét về mặt tiến hoá, con người có nguồn gốc từ tự nhiên, là con đẻ của tự nhiên, là sản phẩm và là sản phẩm cao nhất của quá trình tiến hoá của thế giới vật chất. Con người với bộ óc hoàn chỉnh là sản phẩm của thế giới vật chất.

Sự ra đời của con người không chỉ là kết quả của các qui luật sinh học mà quan trọng hơn cả là kết quả của quá trình lao động. Đó là quá trình con người sử dụng công cụ tác động vào thế giới tự nhiên, khai thác và cải biến giới tự nhiên tạo ra những sản phẩm vật chất để đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của mình. Chính quá trình đó con người làm biến đổi tự nhiên và làm biến đổi chính bản thân mình. Chính quá trình lao động nhu cầu trao đổi, hợp tác lao động đã làm xuất hiện ngôn ngữ. Lao động và ngôn ngữ là hai sức kích thích chủ yếu của sự chuyển biến bộ não của loài vật thành bộ não của loài người, từ tâm lý động vật sang ý thức con người.

Con người được hình thành từ lao động và ngôn ngữ, quá trình đó gắn liền với quá trình hình thành quan hệ giữa con người với con người. Quá trình chuyển biến từ động vật thành con người cũng là quá trình chuyển biến từ cộng đồng mang tính bầy đàn, hoạt động theo bản năng thành một cộng đồng mới khác hẳn về chất. Đây cũng là quá trình chuyển biến từ vận động sinh học thành vận động xã hội. Ta gọi đó là xã hội.

Như vậy, con người là hạt nhân của sự thống nhất biện chứng giữa tự nhiên và xã hội.

* Tự nhiên theo nghĩa hẹp

Gồm toàn bộ thế giới vật chất không kể lĩnh vực xã hội (khi nghiên cứu quan

hệ tự nhiên - xã hội ở đây là tự nhiên theo nghĩa hẹp đặc biệt là môi trường tự nhiên.)

Môi trường tự nhiên gồm:

- + Điều kiện địa lý tự nhiên: đất đai, rừng núi, sông ngòi, khí hậu.
- + Cửa cải tự nhiên: tài nguyên, khoáng sản, lâm sản, thủy hải sản ...
- + Nguồn năng lượng trong tự nhiên: sức gió, sức nước, ánh nắng mặt trời...

2.1.2. Khái niệm môi trường

Môi trường là toàn bộ những điều kiện mà trong đó con người sinh sống.

Môi trường bao hàm cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Môi trường tự nhiên còn được sử dụng dưới nhiều tên gọi khác nhau như sinh quyển, môi trường sinh - địa - hoá, môi trường sống ... thường được gọi chung là môi trường sinh thái.

2.1.3. Khái niệm địa hình

Địa hình, phần mặt đất với các yếu tố trên bề mặt của nó như dáng đất, chất đất, thủy hệ, lớp thực vật, đường giao thông, điểm dân cư, các địa vật... Trong quân sự, địa hình được đánh giá theo đặc điểm dáng đất, khả năng cơ động, điều kiện quan sát, nguy trang và các điều kiện tự nhiên khác.

2.1.4. Khái niệm khí hậu

Khí hậu là định nghĩa phổ biến về thời tiết trung bình trong khoảng thời gian dài. Thời gian trung bình chuẩn để xét là 30 năm, nhưng có thể khác tùy theo mục đích sử dụng. Khí hậu cũng bao gồm các số liệu thống kê theo ngày hoặc năm khác nhau. Từ điển thuật ngữ của Nhóm hội thảo đa quốc gia về biến đổi khí hậu (The Intergovernmental Panel on Climate Change - IPCC) định nghĩa như sau:

Khí hậu trong nghĩa hẹp thường định nghĩa là "Thời tiết trung bình", hoặc chính xác hơn, là bảng thống kê mô tả định kỳ về ý nghĩa các sự thay đổi về số lượng có liên quan trong khoảng thời gian khác nhau, từ hàng tháng cho đến hàng nghìn, hàng triệu năm. Khoảng thời gian truyền thống là 30 năm, theo như định nghĩa của Tổ chức Khí tượng Thế giới (World Meteorological Organization - WMO). Các số liệu thường xuyên được đưa ra là các biến đổi về nhiệt độ, lượng mưa và gió. Khí hậu trong nghĩa rộng hơn là một trạng thái, gồm thống kê mô tả của hệ thống khí hậu.

2.2. Điều kiện tự nhiên tại các địa phương tỉnh khánh hòa

Điều kiện tự nhiên của các địa phương tại Tỉnh Khánh Hòa: Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Ranh, Cam Lâm

2.2.1. Thành phố Nha Trang

Nha Trang là một thành phố ven biển và là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và du lịch của tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Trước đây, vùng đất Nha Trang vốn thuộc về Chiêm Thành, do đó các di tích của người Chăm vẫn còn tồn tại nhiều nơi ở Nha Trang. Nha Trang được Thủ tướng chính phủ Việt Nam công nhận là đô thị loại I vào ngày 22 tháng 4 năm 2009. Nha Trang được mệnh danh là hòn ngọc của biển Đông, Viên ngọc xanh vì giá trị thiên nhiên, vẻ đẹp cũng như khí hậu của nó. Đây là nơi được mệnh danh là Los Angeles 2.

Vị trí địa lý

Vị trí của thành phố Nha Trang trên bản đồ hành chính tỉnh Khánh Hòa

Thành phố Nha Trang nằm ở phía đông tỉnh Khánh Hòa, có vị trí địa lý:

- Phía bắc giáp thị xã Ninh Hòa
- Phía nam giáp huyện Cam Lâm
- Phía tây giáp huyện Diên Khánh
- Phía đông giáp Biển Đông.

Nằm cách thủ đô Hà Nội 1290 km về phía Nam, cách thành phố Cam Ranh 45 km và cách thành phố Hồ Chí Minh 441 km về phía Bắc.

Thành phố Nha Trang có diện tích tự nhiên là 251 km² và dân số năm 2018 là 535.000 người.

Địa hình

Địa hình Nha Trang khá phức tạp có độ cao trải dài từ 0 đến 900 m so với mặt nước biển được chia thành 3 vùng địa hình. Vùng đồng bằng duyên hải và ven sông Cái có diện tích khoảng 81,3 km², chiếm 32,33% diện tích toàn thành phố; vùng chuyển tiếp và các đồi thấp có độ dốc từ 3° đến 15° chủ yếu nằm ở phía Tây và Đông Nam hoặc trên các đảo nhỏ, chiếm 36,24% diện tích, vùng núi có địa hình dốc trên 15° phân bố ở hai đầu Bắc-Nam thành phố, trên đảo Hòn Tre và một số đảo đá chiếm 31,43% diện tích toàn thành phố.

Nha Trang nằm ở phía Đông Đồng bằng Diên Khánh - Nha Trang. Một đồng bằng được bồi lấp bởi sông Cái Nha Trang có diện tích gần 300 km², địa hình đồng bằng bị phân hóa mạnh:

- Phần phía Tây dọc sông Chò từ Khánh Bình đến Diên Đồng bị bóc mòn, độ cao tuyệt đối khoảng 10–20 m
- Phần phía Đông là địa hình tích tụ độ cao tuyệt đối dưới 10m, bề mặt địa hình bị phân cắt mạnh bởi các dòng chảy.

Thủy Văn

Thành phố có nhiều sông suối tập trung ở 2 hệ thống sông chính là sông Cái Nha Trang và sông Quán Trường.

Sông Cái Nha Trang (còn có tên gọi là sông Phú Lộc, sông Cù) có chiều dài 75 km, bắt nguồn từ đỉnh Chư Tgo cao 1.475 m, chảy qua các huyện Khánh Vĩnh, Diên Khánh và thành phố Nha Trang rồi đổ ra biển ở Cửa Lớn (Đại Cù Huân). Đoạn hạ lưu thuộc địa phận Nha Trang có chiều dài khoảng 10 km. Sông là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sản xuất công-nông nghiệp, du lịch-dịch vụ và sinh hoạt dân cư cho thành phố và các huyện lân cận.

Sông Quán Trường (hay Quán Tường) là 1 hệ thống sông nhỏ có chiều dài khoảng 15 km, chảy qua địa phận các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thái, Phước Đồng và 3 phường Phước Long, Phước Hải, Vĩnh Trường rồi đổ ra Cửa Bé. Sông chia thành hai nhánh: nhánh phía Đông (nhánh chính) có chiều dài 9 km và nhánh phía Tây (còn gọi là sông Tắc) dài 6 km.

Thủy triều vùng biển Nha Trang thuộc dạng nhật triều không đều, biên độ trung bình lớn nhất từ 1,4 - 3,4 m. Độ mặn biến thiên theo mùa từ 1 - 3,6‰.

Khí hậu

Nha Trang có khí hậu nhiệt đới xavan chịu ảnh hưởng của khí hậu đại dương. Khí hậu Nha Trang tương đối ôn hòa, nhiệt độ trung bình năm là 26,3⁰ C. Có mùa đông ít lạnh và mùa mưa kéo dài. Mùa mưa lệch về mùa đông bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 12 dương lịch, lượng mưa chiếm gần 80% lượng mưa cả năm (1.025 mm). Khoảng 10 đến 20% số năm mùa mưa bắt đầu từ tháng 7, 8 và kết thúc sớm vào tháng 11. So với các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, Nha Trang là vùng có

điều kiện khí hậu thời tiết khá thuận lợi để khai thác du lịch hầu như quanh năm. Những đặc trưng chủ yếu của khí hậu Nha Trang là: nhiệt độ ôn hòa quanh năm ($25^{\circ}\text{C} - 26^{\circ}\text{C}$), tổng tích ôn lớn ($> 9.5000\text{C}$), sự phân mùa khá rõ rệt (mùa mưa và mùa khô) và ít bị ảnh hưởng của bão.

Dân cư

Theo điều tra dân số năm 2019 thì dân số toàn thành phố có 422.601 người (1/4/2019), trong đó dân số thành thị chiếm 74,6%, dân số nông thôn chiếm 25,4%. Về tỉ lệ giới tính, nam chiếm 48,5% và nữ chiếm 51,5%. Tuy nhiên theo cách tính quy mô dân số trong phân loại đô thị (bao gồm cả dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) thì quy mô dân số Nha Trang hiện nay khoảng 500,000-535.000 người (bao gồm cả học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, lao động tạm trú thường xuyên, tạm trú vắng lai...nhưng không tính khách du lịch)

Mật độ dân số trung bình toàn thành phố là 1.562 người/km². Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở các phường nội thành. Khu vực trung tâm thành phố thuộc các phường Vạn Thắng, Vạn Thạnh, Phương Sài, Phước Tân, Phước Tiến, Tân Lập có mật độ dân cư rất cao với gần 30000 người/km². Tuy nhiên một số xã như Vĩnh Lương, Phước Đồng với địa hình chủ yếu là núi cao có mật độ dân số thấp, chỉ vào khoảng 320-370 người/km².

Hiện nay trên địa bàn thành phố Nha Trang đã và đang hình thành một số khu đô thị mới như khu đô thị ven sông Tấn, khu đô thị Mipeco Nha Trang, khu đô thị VCN Phước Long, khu đô thị Nha Trang Green Hill Villa, khu đô thị Nam Vĩnh Hải, khu đô thị Hoàng Long, khu đô thị VCN Phước Hải, khu đô thị An Bình Tân, khu đô thị Lê Hồng Phong II, khu đô thị Vĩnh Hòa, khu đô thị Cồn Tân Lập, khu đô thị Hòn Rớt 1, khu đô thị Royal Garden, khu đô thị Garden Bay, khu đô thị biển An Viên, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, khu đô thị Mỹ Gia, khu đô thị Bắc Vĩnh Hải, khu đô thị Lê Hồng Phong I, khu đô thị Phước Long...

2.2.2. Thị xã Ninh Hoà

Vị trí địa lý

Thị xã Ninh Hoà là vùng đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ, thuộc tỉnh

Khánh Hoà, nằm về phía Đông vòng cung Bắc Nam của dải Trường Sơn trên toạ độ từ $12^{\circ}20'$ - $12^{\circ}45'$ độ Vĩ Bắc và từ $105^{\circ}52'$ - $109^{\circ}20'$ độ Kinh Đông. Thị xã Ninh Hoà phía Đông giáp Biên Đông; phía Tây giáp huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk; Tây Nam giáp huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa; Tây Bắc giáp huyện sông Hinh, tỉnh Phú Yên; phía Nam giáp huyện Diên Khánh và thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; phía Bắc giáp huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.. Trung tâm thị xã cách thành phố Nha Trang 33 km về phía Bắc (theo quốc lộ 1A).

Đặc điểm địa hình

Ninh Hoà có tổng diện tích đất tự nhiên là 119.777 ha, có trên 70% là núi rừng, 0,44% là động cát ven biển.

Đồng bằng nơi đây là một lòng chảo hơi tròn, ba mặt bị núi bao bọc, bán kính khoảng 15 km. Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam. Vùng trung tâm đồng bằng đất đai tương đối phì nhiêu.

Địa hình thị xã Ninh Hoà bị chia cắt nhiều bởi núi cao, nhiều dốc và đèo hiểm trở. Phía Tây trên quốc lộ 26 có đèo Dốc Đất, đèo Phụng Hoàng. Phía Nam trên quốc lộ 1A có đèo Rọ Tượng, đèo Rù Rì. Phía Bắc có dốc Giồng Thanh, dốc Đá Trắng. Phía Đông đồng bằng có dải núi Hòn Hèo chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, ba mặt nhô ra biển tạo thành một bán đảo lớn (146 km^2) với nhiều đỉnh cao trên 700m.

Bờ biển Ninh Hoà có nhiều nơi lồi lõm, khúc khuỷu, có nhiều cửa sông, cửa lạch nằm sâu trong đất liền. Bờ biển có nhiều nơi bãi triều rộng thuận lợi cho nghề nuôi trồng hải sản xuất khẩu và làm muối.

Khí hậu

Thị xã Ninh Hoà nằm trong tiểu vùng khí hậu đồng bằng ven biển, mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa và chịu ảnh hưởng của khí hậu đại dương nên quanh năm khí hậu nơi đây tương đối ôn hoà, mùa đông không rét buốt với nhiệt độ trung bình hàng năm là $26,6^{\circ}\text{C}$, độ ẩm bình quân hàng năm là 70%-80%. Lượng mưa trung bình hàng năm là 1350 mm, thời tiết mưa rải không đều, hàng năm mưa nhiều vào tháng 10, tháng 11, thường gây lũ lớn nhưng ít khi có bão. Mùa khô nắng nhiều, gió Tây Nam thổi mạnh, thường gây hạn hán gay gắt. Nhiệt lượng ánh sáng

dồi dào với 2.482 giờ nắng trong năm, tổng nhiệt lượng bình quân trong năm 9.500°C .

Dân cư

Theo số liệu điều tra đến ngày 1-4-2019 cho thấy, dân số thực tế thường trú trên địa bàn thị xã Ninh Hòa là 230.049 người. Trong đó, có 50,14% là nam giới, 98,13% là người Kinh. Trong số 62.710 hộ trên địa bàn, có 98,99% hộ có nhà ở, diện tích nhà ở bình quân $22\text{m}^2/\text{người}$, 1% số hộ có nhà ở đơn sơ, 540 hộ có nhà ở dưới $6\text{m}^2/\text{người}$. Mật độ dân số trung bình toàn thị xã là 192 người/ km^2 .

Thị xã Ninh Hòa có 27 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 7 phường: Ninh Đa, Ninh Diêm, Ninh Giang, Ninh Hà, Ninh Hải, Ninh Hiệp, Ninh Thủy và 20 xã: Ninh An, Ninh Bình, Ninh Đông, Ninh Hưng, Ninh Ích, Ninh Lộc, Ninh Phú, Ninh Phụng, Ninh Phước, Ninh Quang, Ninh Sim, Ninh Sơn, Ninh Tân, Ninh Tây, Ninh Thân, Ninh Thọ, Ninh Thượng, Ninh Trung, Ninh Vân, Ninh Xuân.

Hệ thống sông suối

Hệ thống sông suối ở thị xã Ninh Hoà tương đối dày, nhưng phân bố không đều. Vùng núi cao mật độ lưới sông dày khoảng $1\text{km}/\text{km}^2$, vùng đồng bằng ven biển có mật độ lưới sông mỏng hơn khoảng $0,6\text{km}/\text{km}^2$. Với đặc điểm địa hình chia cắt nên sông ngòi nơi đây thường ngắn và dốc, lưu lượng giữa mùa mưa và mùa khô chênh lệch rất lớn. Mùa mưa tốc độ dòng chảy bề mặt lớn thường gây lũ lụt. Vào mùa khô lưu lượng nước các sông thấp, nhiều sông suối bị khô cạn nhanh.

Thị xã Ninh Hoà có hệ thống sông chính là sông Cái dài 49 km, chia thành 2 nhánh lớn là nhánh sông Cái ở phía Nam và nhánh sông Đá bàn ở phía Bắc. Sông Cái có nguồn gốc từ núi Chư Hơ Mu ở độ cao 2051 m, chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam và đổ ra đầm Nha Phu. Sông Cái Ninh Hòa có tiềm năng về thủy điện như Eakrôngru. Vùng thượng nguồn có hồ chứa nước Đá bàn và Suối Trầu.

Vùng thị xã Ninh Hòa có hai dạng nước ngầm chính gồm: dạng nước ngầm tồn tại trong trầm tích sông suối, tập trung ở các xã phía Tây và Tây Bắc của thị xã và dạng nước ngầm tồn tại trong trầm tích sông biển và biển, tập trung ở các xã phía Đông và Đông Nam của thị xã.

2.2.3. Huyện Diên Khánh

Diên Khánh là một huyện nằm ở trung tâm tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Diên Khánh từng là trung tâm của phủ Diên Khánh xưa kia, sau năm 1945, tỉnh lỵ của Khánh Hòa mới chuyển về thành phố Nha Trang

Vị trí địa lý

Diên Khánh nằm về phía Tây tỉnh Khánh Hòa, có huyện lỵ cách thành phố Nha Trang khoảng 10 km, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp thành phố Nha Trang.
- Phía Tây giáp huyện Khánh Vĩnh.
- Phía Nam giáp huyện Cam Lâm.
- Phía Bắc giáp huyện Khánh Vĩnh và huyện Ninh Hòa.

Diện tích tự nhiên của huyện là 337,55 km², chiếm 6,47% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, gồm 18 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

Diên Khánh là cửa ngõ phía Tây của thành phố Nha Trang, tương đối thuận lợi về giao thông: có các tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 1C (đường 23/10), đường sắt Thống nhất Bắc – Nam, Tỉnh lộ 2, Tỉnh lộ 8, tuyến Nha Trang – Đà Lạt,... chạy qua.

Vì vậy, Diên Khánh có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng an ninh đối với tỉnh Khánh Hòa.

Địa hình

Huyện Diên Khánh có địa hình khá phức tạp, thấp dần từ Tây sang Đông và từ Bắc vào Nam về trung tâm. Độ cao địa hình từ 3 m đến 1.342 m so với mặt biển. Địa hình có dạng chuyển tiếp của địa hình trung du và miền núi, chia thành 3 dạng địa hình chính: Địa hình núi cao; địa hình gò đồi; địa hình vùng đồng bằng. Đặc điểm mỗi vùng có ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội và các hoạt động khác của huyện.

Thời tiết, khí hậu

Diên Khánh nằm trong vùng khí hậu Duyên hải Nam Trung Bộ, có nền khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, với các đặc trưng là nắng nóng, ít có mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình năm 26,30C. Độ ẩm tương đối trung bình năm 81,8%. Lượng

mưa bình quân năm là 1.880mm. Hướng gió chính thường xuất hiện trong nhiều tháng là Bắc, Đông – Bắc và Đông – Nam, tốc độ bình quân 2,5 m/s. Bão ít xảy ra và không gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

Dân cư

Theo số liệu điều tra đến ngày 1-4-2019 cho thấy, dân số thực tế thường trú trên địa bàn Huyện Diên Khánh là 143.211 người, so với năm 2009 tăng 11.482 người, trong đó số nam 71.345 người chiếm 45% trong tổng dân số. Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm từ 2009 – 2019 là 0.84%. Dân tộc kinh chiếm 99.4 %, dân tộc thiểu số chiếm 0.6%.

Huyện Diên Khánh có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Diên Khánh (huyện lỵ) và 17 xã: Bình Lộc, Diên An, Diên Điền, Diên Đồng, Diên Hòa, Diên Lạc, Diên Lâm, Diên Phú, Diên Phước, Diên Sơn, Diên Tân, Diên Thạnh, Diên Thọ, Diên Toàn, Diên Xuân, Suối Hiệp, Suối Tiên.

Thủy văn

Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện Diên Khánh khá lớn với 3 sông lớn và hàng chục sông, suối nhỏ. Tổng lượng nước đến khá dồi dào (4 tháng mùa mưa chiếm 63,8 %), như: Sông Cái: chảy qua địa bàn huyện Diên Khánh với chiều dài là 27 km, đây là sông lớn có nước quanh năm và là nguồn nước chủ yếu cung cấp cho các trạm bơm vùng Diên Khánh và Nha Trang; sông Chò: là nhánh của sông Cái, chảy qua địa bàn huyện Diên Khánh với chiều dài là 15 km; sông Suối Dầu: là nhánh của sông Cái, chảy qua địa bàn huyện với chiều dài 10 km.

2.2.4. Huyện Cam Lâm

Vị trí địa lý

Huyện Cam Lâm là một trong 9 đơn vị hành chính của tỉnh Khánh Hòa được thành lập theo Nghị định số 65/2007/NĐ-CP ngày 11/4/2007 của Chính phủ. Huyện Cam Lâm nằm ở phía nam tỉnh Khánh Hòa, có vị trí địa lý:

- Phía bắc giáp thành phố Nha Trang và huyện Diên Khánh
- Phía nam giáp thành phố Cam Ranh
- Phía tây giáp huyện Khánh Vĩnh và huyện Khánh Sơn
- Phía đông giáp Biển Đông.

Đây cũng là địa phương có dự án Đường cao tốc Nha Trang – Phan Thiết đang được xây dựng đi qua.

Địa hình

Huyện Cam Lâm với diện tích: 550,26 km², có địa hình phong phú và đa dạng, có cả núi, đồi, đồng bằng, đầm thủy triều, bãi cát ven biển và biển khơi. Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và từ Bắc vào Nam, gồm 3 dạng địa hình chính là núi cao (chiếm 33,3% diện tích), núi thấp (28% diện tích), đồng bằng và đồi thoải (khoảng 38,7% diện tích).

Khu vực phía Tây và Tây Bắc của huyện chủ yếu là núi cao, núi thấp và đồi, độ dốc (15 - 25 độ) và chia cắt mạnh, cao trung bình 500 – 700m, có ngọn núi Hòn Bà cao 1.554m với khí hậu mát mẻ.

Khu vực phía Bắc và Đông Bắc chủ yếu là đồi thoải có sự đan xen – giao thoa giữa núi và đồng bằng bồi tụ ven biển, độ dốc 3 – 8 độ, với đất đai phì nhiêu phù hợp với việc trồng lúa và hoa màu.

Khu vực phía Đông và Đông Nam là địa hình núi thấp, đồi thấp xen kẽ bình nguyên và thung lũng, về phía Đông có Đầm Thủy triều thông với Bãi Dài và biển gồm đồi cát ven biển và biển khơi.

Khí hậu

Huyện Cam Lâm có khí hậu nhiệt đới gió mùa, đặc trưng cơ bản là nền nhiệt độ cao và lượng mưa trung bình thấp nhất tỉnh, gió Tây khô nóng nhưng không kéo dài (dưới 15 ngày/năm). Biên độ nhiệt hàng tháng dao động từ 6 - 8oC. Nhiệt độ trung bình năm là 26 - 27oC (thấp nhất là 14,4oC vào tháng 01 và cao nhất là 39oC vào tháng 8). Tổng tích ôn khoảng 9.600 - 9.700oC. Số giờ nắng trung bình năm khoảng 2.500 - 2.600 giờ/năm. Lượng mưa trung bình năm từ 1.400 - 2.200mm và có sự phân hóa, đồng bằng ven biển từ 1.000- 1.300mm, khu vực vùng núi 2.400- 2.500mm. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12, tập trung đến 70 - 80% lượng mưa cả năm, các tháng còn lại nắng ấm.

Thủy văn

Hệ thống sông, suối huyện Cam Lâm khá nhiều, tuy nhiên đều là các sông suối nhỏ, ngắn và dốc. Sông suối phân bố khá đều về không gian và có lưu vực lớn,

vị trí thuận lợi để đắp đập xây hồ chứa, treo nước đầu nguồn để cung cấp cho sản xuất và đời sống người dân. Các sông, suối chính gồm: Suối Dầu, là nhánh phải của sông Cái Nha Trang, diện tích lưu vực 272km²; Suối Thượng dài 22km, diện tích lưu vực 142km²; Suối Tà Rục, chiều dài 23km, diện tích lưu vực 173km² và các suối nhỏ khác.

Dân cư

Theo kết quả tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019, tổng dân số trên địa bàn huyện Cam Lâm là 108.979 người, được phân bố trên 14 xã, thị trấn. Tỷ lệ người dân cư trú ở khu vực thành thị chiếm 15,2 % và khu vực nông thôn là 84,8 %. Toàn huyện có 22 dân tộc, trong đó nhiều nhất là dân tộc kinh với 102.797 người; diện tích nhà ở bình quân đầu người trên địa bàn huyện là 23m²; tỷ lệ hộ có nhà thiếu kiên cố và đơn sơ của huyện chiếm 1,4 %...

Huyện Cam Lâm có 13 xã và 01 thị trấn gồm xã Cam Tân, Cam Hòa, Cam Hải Đông, Cam Hải Tây, Cam Hiệp Bắc, Cam Hiệp Nam, Sơn Tân, Cam Thành Bắc, Cam Phước Tây, Cam An Bắc, Cam An Nam, Suối Tân, Suối Cát và thị trấn Cam Đức. Thị trấn Cam Đức là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện Cam Lâm.

2.2.5. Huyện Vạn Ninh

Huyện Vạn Ninh là huyện đồng bằng ven biển nằm về phía Bắc tỉnh Khánh Hòa, trên tọa độ từ 12°45’-12°52’15’’ độ vĩ Bắc và 108°52’- 109°27’55’’ độ kinh đông, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 550 km², với trên 3/4 là đất rừng núi, đất nông nghiệp khoảng 9.000 hecta.

Phía Bắc và Tây Bắc của huyện tiếp giáp với tỉnh Phú Yên, phía Nam và Tây Nam tiếp giáp Thị xã Ninh Hòa, phía Đông giáp biển Đông.

Đặc điểm địa lý

Huyện Vạn Ninh có hình dạng thon, cao ở phía Bắc, rộng thấp dần ở phía Nam. Địa hình có ba vùng rõ rệt: Vùng rừng đồi, núi; vùng đồng bằng và vùng hải đảo. Đặc điểm mỗi vùng có ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội và các hoạt động khác của huyện.

Bờ biển Vạn Ninh dài khoảng 60km, có nơi núi lan ra sát biển; nhiều hồ, đập nước như Hoa Sơn, Suối Sung, Đồng Điền, Hải Triều... và 2 con sông chính là sông

Đồng Điện và sông Hiền Lương.

Khí hậu

Vạn Ninh nằm trong tiểu vùng khí hậu đồng bằng ven biển, mang đặc trưng của khí hậu đại dương nên tương đối ôn hòa. Nhiệt độ trung bình là 25°C, lượng mưa bình quân hàng năm là 1.399mm, quanh năm trời nắng ấm.

Khoáng sản

Có cao lanh Xuân Tụ, cát trắng Đầm Môn, sa khoáng imenit Vĩnh Yên - Hòn Gốm, đá granit Tân Dân, vàng Xuân Sơn.... trong đó cát trắng Đầm Môn và đá Granit Tân Dân có trữ lượng khá lớn.

Dân cư

Theo kết quả điều tra sơ bộ, tổng số hộ dân trên địa bàn huyện Vạn Ninh tính đến ngày 1/4/2019 có 35.794 hộ với hơn 130.000 nhân khẩu, so với 10 năm trước tăng 3.754 nhân khẩu; Trong đó dân tộc Kinh chiếm đại đa số với 99,7%; dân tộc thiểu số chiếm 0,3%, số nam giới chiếm hơn 50%. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố chiếm hơn 99%, tỷ lệ người dân 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết chiếm 95,6%.

Huyện Vạn Ninh có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Vạn Giã (huyện lỵ) và 12 xã: Đại Lãnh, Vạn Bình, Vạn Hưng, Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Lương, Vạn Phú, Vạn Phước, Vạn Thắng, Vạn Thạnh, Vạn Thọ, Xuân Sơn.

2.2.6. Huyện Khánh Vĩnh

Khánh Vĩnh là huyện miền núi, bán sơn địa nằm ở cực Tây tỉnh Khánh Hòa. Huyện Khánh Vĩnh có vị trí địa lý:

- Phía bắc giáp thị xã Ninh Hòa và huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk
- Phía tây giáp huyện Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng
- Phía nam giáp huyện Khánh Sơn và huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận
- Phía đông giáp huyện Diên Khánh và huyện Cam Lâm.

Huyện Khánh Vĩnh có diện tích 1.165 km. Huyện lỵ đặt tại thị trấn Khánh Vĩnh nằm trên Quốc lộ 27C, cách thành phố Nha Trang 30 km về hướng tây.

Địa hình

Khánh Vĩnh có địa hình chủ yếu là đồi núi và phân thành 2 khu vực chính. Khu

vực phía Đông, dọc theo lưu vực các phụ lưu của sông Cái chủ yếu là các đồi thấp, khu vực phía tây và phía Nam chủ yếu là các núi cao với nhiều đỉnh núi cao từ 1500 m đến trên 2000 m, trong đó có Đỉnh Hòn Giao (2062 m) là đỉnh núi cao nhất tỉnh Khánh Hòa.

Hệ thống sông suối

Do nằm ở thượng nguồn của sông Cái Nha Trang, huyện Khánh Vĩnh có mật độ sông suối cao hơn so với các huyện khác trong tỉnh, Mật độ sông suối bình quân là 0,65 km/km². Hầu hết sông suối đều xuất phát từ các dãy núi cao ở phía Nam, Tây và Bắc rồi tập trung về sông Thác Ngựa và sông Chò chảy về sông Cái Nha Trang. Vì vậy, dễ gây lũ và silt mòn, sạt lở vào mùa mưa và dễ hạn hán, thiếu nước vào mùa nắng.

Tài nguyên khoáng sản của Khánh Vĩnh chủ yếu gồm thiếc, cao lanh... và các loại gỗ quý hiếm. Khánh Vĩnh có 87.198,99 ha đất rừng. Độ che phủ thường xuyên chiếm 75% diện tích tự nhiên của huyện với tổng trữ lượng gỗ lên đến 10 triệu m³, trong đó khoảng 9 triệu m³ tập trung ở rừng rậm và rừng trung bình.

Dân cư

Tính đến thời điểm ngày 01/4/2019, dân số trên địa bàn huyện Khánh Vĩnh có: 9.779 hộ, 39.780 người (ã Khánh Trung là 739 hộ, 3.062 khẩu trong đó: nam 1.536 người, nữ 1.526 người). So với năm 2009, tổng số hộ dân tăng thêm 2.186 hộ, bình quân mỗi năm tăng thêm 200 hộ (tương đương 2,2%/năm). Số hộ dân tăng nhanh chủ yếu do tách hộ mới.

Huyện lỵ đặt tại Thị trấn Khánh Vĩnh nằm trên tỉnh lộ 652, cách tỉnh lỵ là thành phố Nha Trang 35 km về hướng Tây. Ngoài ra huyện còn bao gồm các xã: Khánh Hiệp, Khánh Bình, Khánh Đông, Khánh Trung, Khánh Thượng, Khánh Nam, Giang Ly, Sơn Thái, Liên Sang, Cầu Bà, Khánh Thành, Khánh Phú và Sông Cầu.

Khí hậu

Do vị trí nằm phía tây tỉnh Khánh Hòa nên chịu ảnh hưởng gió Lào từ phía Tây thổi vào làm khí hậu khô hanh. Thường chỉ có 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa nắng. Mùa mưa ngắn, từ khoảng giữa tháng 9 đến giữa tháng 12 dương lịch, tập trung vào 2 tháng 10 và tháng 11, lượng mưa thường chiếm trên 50% lượng mưa

trong năm. Những tháng còn lại là mùa nắng, trung bình hàng năm có tới 2.600 giờ nắng.

2.2.7. Huyện Khánh Sơn

Khánh Sơn là một huyện miền núi nằm ở phía tây nam tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Huyện Khánh Sơn có vị trí địa lý:

- Phía bắc giáp các huyện Khánh Vĩnh và Diên Khánh
- Phía tây nam giáp tỉnh Ninh Thuận
- Phía đông giáp thành phố Cam Ranh và huyện Cam Lâm.

Huyện có diện tích 440,7 km² và dân số là 31.240 người. Huyện lỵ là thị trấn Tô Hạp nằm trên tỉnh lộ 9, cách thành phố Cam Ranh 25 km về hướng tây.

Huyện Khánh Sơn có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Tô Hạp (huyện lỵ) và 7 xã: Ba Cạm Bắc, Ba Cạm Nam, Sơn Bình, Sơn Hiệp, Sơn Lâm, Sơn Trung, Thành Sơn.

Khí hậu

Khánh Sơn có khí hậu khá mát mẻ, trong lành với nhiều cảnh đẹp tự nhiên, hoang sơ, rất thích hợp để phát triển du lịch sinh thái. Điểm nhấn nổi bật là thác Tà Gụ (xã Sơn Hiệp), được ví như “nàng thơ” nghìn năm tuổi bung mình trắng xóa giữa núi rừng hoang sơ, hùng vĩ, mang dòng nước mát lạnh cho con người và cây trái vùng hạ du. Bên cạnh thác Tà Gụ, thác Dốc Quy (xã Sơn Lâm), khu vực Suối Đá (xã Ba Cạm Bắc)... là những địa điểm có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái đang chờ được “đánh thức”.

Dân số

Theo kết quả cuộc tổng điều tra dân số, tại thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2019 là 25.349 người, so với thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2009 là 20.930 người, sau 10 năm dân số huyện Khánh Sơn tăng 4.419 người (tỷ lệ tăng 21,11%), dân cư tập trung đông nhất ở xã Ba cạm Bắc 5.268 người, thị trấn Tô Hạp 4.647 người và ít nhất là xã Ba Cạm Nam 1.465 người

2.2.8. Thành phố Cam Ranh

Cam Ranh là một thành phố ven biển trực thuộc tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Thành phố Cam Ranh cách thành phố Nha Trang 45 km về phía nam, nằm bên Quốc lộ 1A, tọa lạc bên bờ Vịnh Cam Ranh, một vịnh biển tự nhiên được xem là vịnh tự nhiên tốt nhất Đông Nam Á, nơi hội tụ những điều kiện tự nhiên hết sức thuận lợi cho phát triển dịch vụ cảng biển và du lịch.

Thành phố Cam Ranh nằm ở phía nam tỉnh Khánh Hòa, có vị trí địa lý:

- Phía bắc giáp huyện Cam Lâm
- Phía nam giáp huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận
- Phía tây giáp huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận và huyện Khánh Sơn
- Phía đông giáp Biển Đông.

Thành phố Cam Ranh có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 9 phường: Ba Ngòi, Cam Linh, Cam Lộ, Cam Lợi, Cam Nghĩa, Cam Phú, Cam Phúc Nam, Cam Phúc Bắc, Cam Thuận và 6 xã: Cam Bình, Cam Lập, Cam Phước Đông, Cam Thành Nam, Cam Thịnh Đông, Cam Thịnh Tây.

Cam Ranh cách Nha Trang khoảng 45 km về phía Nam, cách Phan Rang 55 km về phía Bắc. Cam Ranh còn có hệ thống giao thông đường bộ rất thuận lợi: Quốc lộ 1A đi ngang qua thành phố trên 40 km, tỉnh lộ 9 nối trung tâm thành phố với thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn. Và đại lộ Nguyễn Tất Thành nối thành phố với sân bay Cam Ranh và thành phố Nha Trang. Bến xe Cam Ranh phục vụ hầu hết các tuyến nội tỉnh và liên tỉnh cho thành phố.

Đây cũng là địa phương có dự án Đường cao tốc Nha Trang – Phan Thiết đi qua đang được xây dựng.

Khí hậu

Cam Ranh tuy có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhưng cũng chịu chi phối nhiều bởi khí hậu đại dương. Chính vì thế mà khí hậu nơi đây tương đối ôn hòa, không quá khắc nghiệt như ở miền Bắc và cũng không quá thất thường như trong miền Nam

Thành phố Cam Ranh có nhiều cảnh đẹp nổi tiếng như Hòn Rồng, Hòn Qui, núi Cam Linh, hồ Cam Ranh, Bãi Dài và cũng có nhiều di tích quan trọng như đền thờ ông Trương không đầu, nhà tù Cam Ranh, đồng Bà Thìn, di tích lịch sử đồn VIGIE (Cam Bình), Ao Hồ...

Sản vật của thành phố Cam Ranh xưa nay nổi tiếng như: sò huyết Thuỷ triều, tôm hùm Bình Ba, hào Trà Long, ốc tai tượng, muối Cam Ranh, nhựa thông, xoài Thanh Ca...

Khoáng sản có sa khoáng Imenhit, thạch anh... nhưng nổi tiếng nhất là cát thuỷ tinh Thuỷ Triều, là nguyên liệu lý tưởng cho công nghiệp chế biến thuỷ tinh pha lê, kính quang học.

Quy mô dân số TP Cam Ranh

- Dân số hiện trạng toàn thành phố khoảng **134.100 người**.
- Dự báo đến năm 2025 dân số thành phố khoảng **180,000 người**
- Dự báo đến năm 2035 dân số thành phố ước tính khoảng **230.000 người**.

2.2.9. Huyện đảo Trường Sa

Trường Sa là một huyện thuộc tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam, được thành lập trên cơ sở các đảo san hô nhỏ, cồn cát, rạn đá ngầm và bãi ngầm thuộc quần đảo Trường Sa. Diện tích 496km². Huyện đảo Trường Sa nằm về phía đông và đông nam bờ biển Việt Nam, được thiết lập dựa trên cơ sở là toàn bộ quần đảo Trường Sa thuộc Biển Đông. Huyện đảo trải dài với tọa độ địa lý từ 6°50'00" đến 12°00'00" vĩ độ Bắc và từ 111°30'00" đến 117°20'00" kinh độ Đông, cách thành phố Cam Ranh 248 hải lý và cách thành phố Vũng Tàu (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) 305 hải lý (tính từ đảo Trường Sa).

Vị trí địa lý

Quần đảo Trường Sa nằm giữa Biển Đông về phía Đông Nam nước ta, phía Bắc là quần đảo Hoàng Sa, phía Đông giáp biển Philippin, phía Nam giáp biển Malaixia, Brunây và Indônêxia. Từ trung tâm quần đảo Trường Sa đến biển của Malaixia khoảng 250 hải lý, đến biển của Philippin khoảng 210 hải lý, đến biển của Brunây khoảng 320 hải lý, đến đảo Hải Nam khoảng 585 hải lý và đến đảo Đài Loan khoảng 810 hải lý; cách Cam Ranh khoảng 243 hải lý, cách Vũng Tàu 440 hải lý. Quần đảo Trường Sa gồm trên 100 hòn đảo nhỏ và bãi san hô với diện tích vùng biển rộng khoảng 410.000km² nằm ở giữa vĩ độ 6030' đến 120 Bắc và kinh độ 111030' đến 117020' Đông. Diện tích toàn bộ phần đất nổi của quần đảo khoảng

3km², được chia làm 8 cụm (Song Tử, Loại Ta, Thị Tứ, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên), đảo cao nhất là Song Tử Tây (khoảng 4 - 6m), đảo lớn nhất là đảo Ba Bình (0,44km²), sau đó là đảo Nam Yết (0,06km²).

Khoảng cách giữa các đảo cũng khác nhau, gần nhất từ đảo Song Tử Đông đến Song Tử Tây khoảng 1,5 hải lý, xa nhất Song Tử Tây (phía Bắc) đến An Bang (phía Nam) khoảng 280 hải lý. Việt Nam thực hiện chủ quyền và đóng giữ 21 đảo, gồm 9 đảo nổi và 12 đảo đá ngầm với 33 điểm đóng quân (9 đảo nổi: Đảo Trường Sa, Trường Sa Đông, An Bang, Sinh Tồn Đông, Phan Vinh, Song Tử Tây, Nam Yết, Sinh Tồn, Sơn Ca; 12 đảo đá ngầm: Đá Nam, Đá Lớn, Đá Lát, Đá Đông, Đá Tây, Đá Thị, Thuyền Chài, Cô Lin, Len Đao, Tiên Nữ, Núi Le, Tóc Tan) và không ngừng củng cố và phát triển cơ sở vật chất và đời sống kinh tế - xã hội nhằm từng bước xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành đơn vị hành chính ngang tầm với vị trí và vai trò của nó trong hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hành chính

Theo nghị định số 65/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thành lập ba đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc huyện Trường Sa là thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn và xã Song Tử Tây. Thị trấn Trường Sa được thành lập trên cơ sở đảo Trường Sa và các đảo, bãi đá, bãi phụ cận. Xã Song Tử Tây được thành lập trên cơ sở đảo Song Tử Tây và các đảo, bãi đá, bãi phụ cận. Xã Sinh Tồn được thành lập trên cơ sở đảo Sinh Tồn và các đảo, bãi đá, bãi phụ cận.

Toàn cảnh đảo Sinh Tồn nhìn từ ngọn hải đăng. Đảo dài chừng 400 mét và rộng 140 mét, hiện được xây dựng nhiều hạng mục dân sinh như nhà văn hóa, trường học, chùa, nhà ở của bộ đội, hệ thống năng lượng sạch...

Hiện nay, huyện này đang quản lý trên thực tế là 21 đảo nhỏ và rạn đá ngầm với danh sách như sau:

Cụm	Đảo san hô và cồn cát	Rạn đá ngầm
------------	------------------------------	--------------------

	(phân biệt tương đối)	
Song Tử	đảo Song Tử Tây	đá Nam
Thị Tứ	-	-
Loại Ta	-	-
Nam Yết	đảo Nam Yết, đảo Sơn Ca (1)	đá Lớn, đá Núi Thị
Sinh Tồn	đảo Sinh Tồn, đảo Sinh Tồn Đông (1)	đá Cô Lin, đá Len Đao
Trường Sa	đảo Trường Sa, đảo Phan Vinh (2), đảo Trường Sa Đông (1)	đá Đông, đá Lát, đá Núi Le, đá Tây, đá Tiên Nữ, đá Tóc Tan
Thám Hiểm (An Bang)	đảo An Bang (1)	đá/bãi Thuyền Chài
Bình Nguyên	-	-
<i>Chú thích: (1) Cồn cát; (2) Phần nổi trên vành san hô của rạn vòng lớn hơn.</i>		

Khí hậu

Quần đảo Trường Sa nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới với hai mùa. Gió mùa đông nam thổi qua Trường Sa từ tháng 3 đến tháng 4 trong khi gió mùa tây nam thổi từ tháng 5 đến tháng 11. Theo số liệu của McManus, Shao & Lin (2010), nhiệt độ không khí trung bình trong năm của quần đảo vào khoảng 27 °C. Tại Trạm khí tượng trên đảo Trường Sa, nhiệt độ trung bình đo được là 27,7 °C. Về mùa hè (tháng 5 đến tháng 10) nhiệt độ trung bình đạt 28,2 °C; giá trị cực đại đo được là 29,3 °C vào tháng 9. Về mùa đông (tháng 10 đến tháng 4), nhiệt độ trung bình là 28,8 °C, trong đó giá trị cực tiểu đo được là 26,4 °C vào tháng 2. Nhiệt độ trung bình tháng 4 (tháng chuyển tiếp từ mùa đông sang mùa hè) là 28,8 °C, còn nhiệt độ trung bình tháng 10 (tháng chuyển tiếp từ mùa hè sang mùa đông) là 27,8 °C, gần xấp xỉ với nhiệt độ trung bình năm. Nhìn chung biên độ dao động của nhiệt độ không khí vùng đảo Trường Sa không quá 4 °C.

Nhiệt độ nước biển bị ảnh hưởng rất lớn bởi yếu tố thời tiết. Do nằm trong vùng nhiệt đới nên tầm nhiệt độ cao là đặc trưng cho nước biển Trường Sa. Vào

mùa đông, nhiệt độ trung bình là 26-28 °C và đạt cực tiểu 25-26 °C vào tháng 12 và tháng 1. Vào mùa hè, nhiệt độ trung bình tầng mặt là 29-31 °C và đạt cực đại là 31-32 °C vào tháng 5.

Mùa khô tại quần đảo kéo dài từ tháng 2 đến tháng 4 còn mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Lượng mưa dao động từ 1.800 đến 2.200 mm. Trong giai đoạn 1954-1998, có tổng cộng 498 cơn bão ở biển Đông, trong đó có 89 trận đi qua hoặc phát sinh từ quần đảo Trường Sa. Một đặc điểm quan trọng là bão có xu hướng muộn dần từ bắc xuống nam. Cụ thể, bão chủ yếu xuất hiện ở phía bắc và trung tâm quần đảo trong tháng 10, trong khi bão đi qua phía nam rất ít và nếu có thì chủ yếu là trong tháng 11.

Dân số

Theo thống kê ngày 1 tháng 4 năm 2009 thì dân số toàn huyện Trường Sa là 195 người, trong đó khu vực thị trấn Trường Sa là 82 người.

KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

Kết luận:

Đa dạng sinh học là cơ sở cung cấp thực phẩm, là nền tảng cho sức khỏe của loài người. Đa dạng sinh học giữ vị trí quan trọng trong dinh dưỡng của con người thông qua vai trò trong việc sản xuất thực phẩm toàn cầu; đảm bảo năng suất bền vững của đất và cung cấp nguồn gen cho cây trồng. Đảm bảo được cung cấp đầy đủ các loại thực phẩm bổ dưỡng là yếu tố quyết định cơ bản của sức khỏe con người. Sự đa dạng về chủng loại, giống cũng như nguồn thực phẩm hoang dã và dược liệu là cơ sở cho chế độ ăn uống đa dạng, nguồn dinh dưỡng và sức khỏe tốt.

Chính phủ Việt Nam đã có nhiều hành động để đẩy mạnh công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Cụ thể, Việt Nam là thành viên của nhiều công ước và cam kết quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học như Công ước Đa dạng sinh học (CBD), Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (RAMSAR), Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITIES)... Cùng với đó, hệ thống chính sách, pháp luật trong nước về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cũng ngày càng hoàn thiện. Việt Nam đã ban hành và triển khai các luật rất quan trọng để bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học như Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Thủy sản, Luật Du lịch, Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cùng nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

Kiến nghị:

Một là, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác bảo tồn đa dạng sinh học nói riêng. Đối với người đứng đầu, trong công tác điều hành phải luôn tính đến yếu tố bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, thực hiện nghiêm việc đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường của các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Phải cân nhắc và chú trọng ngay từ đầu việc đánh giá những ảnh hưởng của các chính sách phát triển, các dự án kinh tế tới đa dạng sinh học... Vậy nên, việc kiểm điểm đánh giá kết quả việc thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học phải được xem là một trong những tiêu chí để xếp

loại và đánh giá cán bộ hằng năm, là cơ sở để xem xét đánh giá bổ nhiệm cán bộ.

Hai là, đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của từng cán bộ và người dân về vai trò của điều kiện tự nhiên đối với công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Tài Nguyên Môi Trường
2. Cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Hải quân (Việt Nam), 2011, Những điều cần biết về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và khu vực thềm lục địa phía nam (DK1)
3. Quyết định 1719/QĐ-BGDĐT ngày 29/6/2020 “Đề án khung Bảo tồn nguồn gen cây trồng, vi sinh vật” về việc Phê duyệt Đề án khung “Bảo tồn nguồn gen cây trồng, vi sinh vật, vật nuôi phục vụ đào tạo, nghiên cứu và trao đổi thông tin về nguồn gen giai đoạn 2021-2025” của Bộ Giáo dục và Đào tạo
4. Tổng cục Thống kê (Việt Nam), 2012, Kết quả toàn bộ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009
5. Sách đỏ Việt Nam, phần II -Thực vật, 2007. NXB Khoa học tự nhiên & Công nghệ
6. Nguyễn Nhã, 2002, Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
7. Lưu Hồng Trường & Cs., 2014. Báo cáo tổng kết cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học rừng Khánh Hòa. Nhiệm vụ môi trường - Sở Tài nguyên và MT. KH.
8. Lưu Hồng Trường và Cộng sự, 2018, Bộ sách “Đa dạng sinh học rừng tỉnh Khánh Hòa” quyển 1 & 2, NXB. Khoa học & Công nghệ
9. Trang web <http://vi.wikipedia.org/wiki>

HÌNH ẢNH



Hình 1. Bản đồ hành chính thành phố Nha Trang



Hình 2. Quãng trường 2/4



Hình 3. Bản đồ hành chính thị xã Ninh Hòa



Hình 4. Bản đồ hành chính huyện Diên Khánh



Hình 7. Bờ biển huyện Vạn Ninh



Hình 8. Bản đồ hành chính huyện Khánh Vĩnh

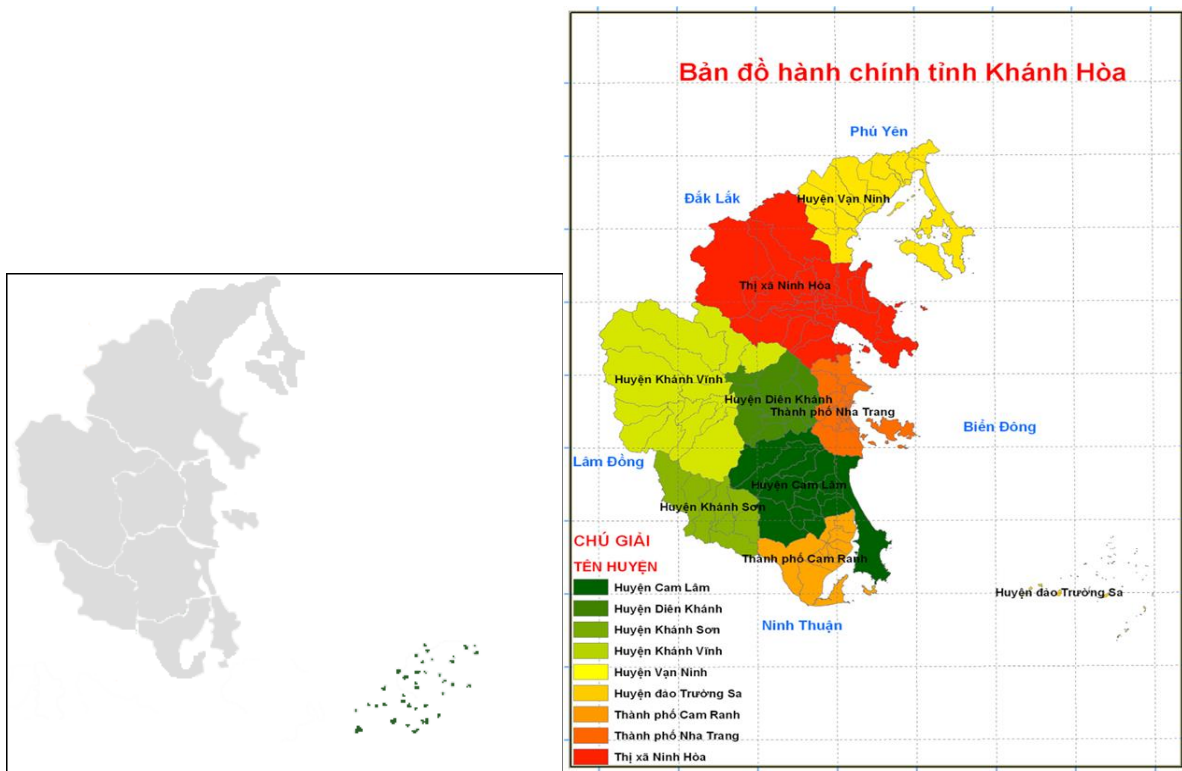


Hình 9. Bản đồ hành chính huyện Khánh Sơn



Hình 10. Bản đồ hành chính thành phố Cam Ranh

Hình 11. Vị trí huyện đảo Trường Sa trên bản đồ hành chính tỉnh Khánh Hòa



Hình 12. Toàn cảnh đảo Sinh Tồn nhìn từ ngọn hải đăng



Hình 13. Thị trấn Trường Sa



Hình 14. Xã đảo Song Tử Tây nhìn ra biển trùng khơi